

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ cho các
tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh phòng, chống lụt, bão đã sửa đổi, bổ sung ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 92/2007/QĐ-TTg ngày 21/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình;

Xét Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 25/11/2010 của UBND tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Quy định hoạch phòng chống lũ chi tiết cho các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phòng chống lũ cho các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch

Các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được nghiên cứu trong Quy hoạch gồm: sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của Quy hoạch

2.1. Điều chỉnh vùng bảo vệ, xác định lưu lượng, mực nước lũ thiết kế tại các điểm chuẩn của từng tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang gồm: Sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, phù hợp với Quy hoạch phòng chống lũ của hệ thống sông Hồng - Thái Bình.

2.2. Xác định chỉ giới tuyến thoát lũ cho từng tuyến sông có đê.

2.3. Điều chỉnh vùng bảo vệ, xác định các giải pháp công trình, phi công trình để phòng, chống lũ đối với từng tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có hiệu quả và xây dựng tiến độ thực hiện.

2.4. Kết quả nghiên cứu của Quy hoạch phòng chống lũ cho các tuyến sông là cơ sở để lập Quy hoạch đê điều, Quy hoạch xây dựng và các Quy hoạch liên quan khác liên quan của các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Nội dung và giải pháp Quy hoạch

3.1. Phân vùng Quy hoạch: Tỉnh Bắc Giang được phân làm 3 vùng sau:

a) *Vùng bảo vệ tả Cầu - hữu Thương bao gồm:* huyện Yên Thế, Tân Yên, Hiệp Hoà, Việt Yên, thành phố Bắc Giang, Yên Dũng. Với diện tích bảo vệ khoảng 169.867ha.

b) *Vùng bảo vệ tả Thương - hữu Lục Nam bao gồm:* huyện Lạng Giang, Yên Dũng, Lục Nam và TP. Bắc Giang. Với diện tích bảo vệ khoảng 58.342ha.

c) *Vùng bảo vệ tả Lục Nam bao gồm:* các xã Cương Sơn, Nghĩa Phương, Cẩm Lý, Huyền Sơn, Đan Hội, Vũ Xá và thị trấn Lục Nam thuộc huyện Lục Nam, với diện tích bảo vệ 13.414 ha.

3.2. Tiêu chuẩn phòng, chống lũ cho các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào quy mô vùng bảo vệ, theo tiêu chuẩn thiết kế đê ban hành thì đê sông Cầu, sông Thương thuộc đê cấp III, tần suất thiết kế là 2% và đê cấp IV là 5%.

Căn cứ Tiêu chuẩn phòng, chống lũ cho các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Bắc Giang lấy dạng lũ tháng 7/1986 làm lũ thiết kế, bảo đảm chống được lũ tại Đập Cầu (+8,30m), tại Phủ Lạng Thương (+8,00), tại Lục Nam (+8,4m) tương ứng với mực nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại là +7,2 m.

3.3. Giải pháp Quy hoạch phòng, chống lũ

3.3.1. *Giải pháp công trình:* Củng cố, nâng cấp và kiên cố hoá hệ thống đê điều trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, bao gồm:

a) Đối với các tuyến đê cấp III (tả Cầu, tả - hữu Thương):

- Đê tả Cầu đoạn từ K0 - K60+458 nâng cao trình đê lên 0,2-0,4m theo mực nước lũ thiết kế, tu bổ đê và các công trình dưới đê.

- Tuyến đê tả - hữu Thương cơ bản vẫn giữ ở cao trình đê như hiện trạng. Nắn thẳng tuyến đê hữu Thương và đoạn trùng với Tỉnh lộ 398 dài 14,3km thuộc địa phận huyện Tân Yên qua ngòi Phú Khê từ K14+700 sang K29+000 dài 1,248km.

b) Nâng cấp tuyến đê hữu Lục Nam lên theo tiêu chuẩn đê cấp III; nâng cao trình toàn tuyến lên 0,2 - 0,6m, tu bổ cống và các công trình dưới đê. Nối dài thêm 4km từ điểm đầu K0 đến xã Tam Dị để bảo vệ khu vực thị trấn Đồi Ngô.

c) Đối với các tuyến đê cấp IV: Đề nghị vẫn giữ nguyên quy mô và cao trình đê như hiện trạng.

d) Đối với các tuyến đê bồi: Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, đề nghị giữ ở mức báo động 2, hạn chế phát triển dân cư và các công trình xây dựng trong bồi.

e) Xây dựng hồ Nà Lạnh.

f) Ngoài các giải pháp nêu trên, hệ thống đê của tỉnh cần nâng cấp, cải tạo các công trình dưới đê và các công trình PCLB khác nhằm đảm bảo an toàn phòng, chống lũ khi có sự cố xảy ra.

3.3.2. Giải pháp phi công trình

a) Trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn: Phần đầu nâng độ che phủ rừng ở Bắc Giang đến năm 2015 đạt 42% và năm 2020 đạt 43%.

b) Sắp xếp lại dân cư trong vùng thường xuyên bị ngập lụt: Hiện tại có 1.427 hộ hiện đang sinh sống tại 21 bãi ngoài đê của tỉnh Bắc Giang nằm trong chỉ giới tuyến thoát lũ của các tuyến sông.

c) Thành lập lực lượng Quản lý đê nhân dân ở các huyện.

d) Tăng cường công tác quản lý Pháp luật về đê điều.

e) Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng nhằm giảm thiểu tác hại do lũ gây ra.

f) Lập thêm các Trạm thủy văn báo động lũ.

4. Vốn, nguồn vốn, giải pháp huy động và phân kỳ đầu tư.

4.1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư thực hiện Quy hoạch: 2.591 tỷ đồng.

4.2. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (đầu tư các tuyến đê cấp III), ngân sách tỉnh (đầu tư các tuyến đê cấp IV, V).

4.3. Giải pháp huy động vốn:

- Ưu tiên vốn bố trí ngân sách hàng năm theo Quyết định 2068/QĐ-TTg ngày 9/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình nâng cấp hệ thống đê sông đến năm 2020;

- Huy động vốn từ các nguồn tài trợ, chương trình hợp tác như: ODA, nguồn trái phiếu, vốn trong dân, ...

4.4. Phân kỳ đầu tư thực hiện Quy hoạch

- Giai đoạn 2010 ÷ 2015: Công bố công khai Quy hoạch, xây dựng đường chỉ giới thoát lũ; Tu bổ, củng cố các tuyến đê tả Cầu; tả - hữu Thương; công trình dưới đê dần bảo đảm yêu cầu chống lũ thiết kế; Nâng cấp, cải tạo tuyến đê hữu Lục Nam theo tiêu chuẩn đê cấp III; Di dân tái định cư vùng bãi. Kinh phí thực hiện Quy hoạch giai đoạn 2010 ÷ 2015 khoảng 954 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016 ÷ 2020: Tiếp tục củng cố các tuyến sông có đê đảm bảo yêu cầu thiết kế và xây dựng mới công trình hồ Nà Lạnh. Kinh phí thực hiện Quy hoạch giai đoạn 2016 ÷ 2020 khoảng 1.637 tỷ đồng.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua. Giao UBND tỉnh hoàn chỉnh các thủ tục và tổ chức thực hiện Quy hoạch.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XVI, kỳ họp thứ 18 thông qua./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Ngô Trọng Vinh